

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

240 Hậu Giang, F.9, Q.6, Tp.HCM – ĐT: (84.8) 39690973 – Fax: (84.8) 39606814

Email: binhminh@binhminhplastic.com.vn – Website: www.binhminhplastic.com.vn



NHỰA BÌNH MINH[®]

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TP. HCM THÁNG 4 NĂM 2014

Mục lục

PHẦN MỞ ĐẦU	3
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	3
Điều 1 Định nghĩa.....	3
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:	4
Điều 2 Tên, hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	4
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:.....	4
Điều 3 Mục tiêu hoạt động của Công ty	4
Điều 4 Phạm vi kinh doanh và hoạt động	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	5
Điều 5 Vốn điều lệ, cổ phần	5
Điều 6 Chứng chỉ cổ phiếu	6
Điều 7 Chứng chỉ chứng khoán khác	6
Điều 8 Chuyển nhượng cổ phần	6
Điều 9 Thu hồi cổ phần.....	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	7
Điều 10 Cơ cấu tổ chức quản lý	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
Điều 11 Quyền hạn của cổ đông	7
Điều 12 Nghĩa vụ các cổ đông.....	8
Điều 13 Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 14 Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 15 Các đại diện được ủy quyền	11
Điều 16 Thay đổi các quyền	12
Điều 17 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình Đại hội và Thông báo	12
Điều 18 Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 19 Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 20 Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 21 Thẩm quyền và thủ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	13
Điều 22 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 23 Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	15
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	17
Điều 24 Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị	17
Điều 25 Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị	19
Điều 26 Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	21
Điều 27 Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế (không áp dụng)	21
Điều 28 Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị	21
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 29 Tổ chức bộ máy quản lý	24
Điều 30 Người điều hành.....	24
Điều 31 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	24
Điều 32 Thư ký Công ty	25

IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH.....	26
Điều 33 Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành.....	26
Điều 34 Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	26
Điều 35 Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	27
X. BAN KIỂM SOÁT	28
Điều 36 Thành viên Ban Kiểm soát.....	29
Điều 37 Ban Kiểm soát	29
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY:.....	30
Điều 38 Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	30
XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	30
Điều 39 Người lao động và Công đoàn	30
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	30
Điều 40 Cổ tức	30
Điều 41 Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận.....	30
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	31
Điều 42 Tài khoản ngân hàng	31
Điều 43 Trích lập các quỹ.....	31
Điều 44 Năm tài chính	32
Điều 45 Hệ thống kế toán	32
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	32
Điều 46 Báo cáo hằng năm, sáu tháng và hàng quý	32
Điều 47 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	33
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	33
Điều 48 Kiểm toán	33
XVII. CON DẤU	33
Điều 49 Con dấu	33
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	33
Điều 50 Chấm dứt hoạt động	33
Điều 51 Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và cổ đông.	34
Điều 52 Thanh lý	34
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	34
Điều 53 Giải quyết tranh chấp nội bộ	34
XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	35
Điều 54 Sửa đổi và bổ sung Điều lệ	35
XXI. NGÀY HIỆU LỰC	35
Điều 55 Ngày hiệu lực	35
Điều 56 Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty	36

[Handwritten signatures and initials over the page]

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (dưới đây gọi là “Công ty”). Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị được thông qua một cách hợp lệ, phù hợp với pháp luật là những quy tắc, quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi cổ đông của Công ty theo nghị quyết hợp lệ tại kỳ Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 24 tháng 04 năm 2014.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:
 - a. “Địa bàn kinh doanh” có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài;
 - b. “Vốn Điều lệ” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;
 - c. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005;
 - d. “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu;
 - e. “Luật” có nghĩa là các luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế, thông tư, quyết định và tất cả các văn bản pháp luật khác được cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời điểm;
 - f. “Người quản lý doanh nghiệp” là các thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g. “Người điều hành cấp cao” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
 - h. “Người điều hành cấp trung” có nghĩa là trưởng, phó các bộ phận (phòng, ban, nhà máy);
 - i. “Người điều hành cấp cơ sở” có nghĩa là tổ trưởng các tổ hoặc tương đương;
 - j. “Những người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Điều 4.17 Luật Doanh nghiệp;
 - k. “Thời hạn hoạt động” có nghĩa là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này;
1. “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, một tham chiếu tới bất kỳ một Điều khoản hoặc một văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề được sử dụng chỉ nhằm thuận tiện cho việc theo dõi mà không làm ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ nào được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

Tên hợp pháp của Công ty bằng tiếng Anh:

BINH MINH PLASTICS JOINT - STOCK COMPANY

Tên viết tắt của Công ty: **BMPLASCO**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ : 240 Hậu Giang, Phường 9, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại : 84.8. 3969 0973
 - Fax : 84.8. 3960 6814
 - E-mail : binhminhplas@hcm.fpt.vn
 - Website : www.binhminhplastic.com
4. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.
6. Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, bắt đầu từ ngày thành lập.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất kinh doanh các sản phẩm dân dụng và công nghiệp từ chất dẻo và cao su;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh khuôn mẫu ngành nhựa, ngành đúc;
- Sản xuất, kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, thiết bị vệ sinh cho ngành xây dựng, trang trí nội thất;
- Tư vấn và thi công các công trình xây dựng ngành cấp thoát nước, sân bãi, kho hàng;
- Dịch vụ giám định, phân tích kiểm nghiệm ngành hóa chất;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, vật tư, máy móc thiết bị ngành nhựa, cơ khí, xây dựng, cấp thoát nước, thiết bị thí nghiệm;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Quảng cáo.

2. Mục tiêu của Công ty: Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, cải thiện điều kiện làm việc, ổn

định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp của các cổ đông, đáp ứng được các yêu cầu bền vững về mặt sinh thái và làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 454.784.800.000 đồng (Bốn trăm năm mươi bốn tỷ bảy trăm tám mươi bốn triệu tám trăm nghìn đồng).
2. Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 45.478.480 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.
3. Công ty có thể tăng hoặc giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11.
5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong đó phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị Công ty quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần đó được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng Quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 điều này.
2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.
4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.
5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.
6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng Quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng Quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ cổ phiếu khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thu chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

[Handwritten signatures and initials]
6/36 *[Signature]* *[Signature]* *[Signature]*

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần, Hội đồng Quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng Quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng Quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo các quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng Quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng Quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo quy định hiện hành kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng Quản trị;
- c. Ban Kiểm soát.
- d. Tổng Giám đốc;

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền hạn của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham gia và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

- b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 tháng trở lên có thêm các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp được quy định tại khoản 3 điều 79 và điều 97 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra...
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ các cổ đông

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;

- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
6. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

- 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp đặc biệt theo đề nghị của Hội đồng Quản trị thì có thể gia hạn nhưng không được quá 6 tháng. Đại hội cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 2. Hội đồng Quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hằng năm và dự toán ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hằng năm.
- 3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Bảng cân đối kế toán hằng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
 - c. Khi số thành viên của Hội đồng Quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 tháng trở lên yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);
 - e. Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc cán bộ quản lý, người điều hành cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng Quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại như quy định tại Điều 13.3c hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điều 13.3d và 13.3e trên đây.
 - b. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát phải

thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điều 13.3d có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng Quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban Kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua nghị quyết bằng văn bản về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng Quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị;
 - d. Lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và các quyền kèm theo, số lượng cổ phần mới dự kiến phát hành cho mỗi loại cổ phần.
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - l. Quyết định giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời làm Tổng Giám đốc;
 - o. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 20% trở lên tính trên tổng tài sản theo báo cáo kiểm toán gần nhất của Công ty;

- p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được biểu quyết trong các trường hợp sau đây:
- Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 của Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan là một bên của hợp đồng;
 - Việc Công ty mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

- Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Đại diện được ủy quyền không được ủy quyền lần thứ hai cho người khác.
- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và có chữ ký theo quy định sau đây:
 - Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

- Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 trên đây, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình Đại hội và Thông báo

1. Hội đồng Quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp quy định tại Điều 13.4b và 13.4c của Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, các tài liệu khác theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo cho tất cả các cổ đông về đại hội và gửi thư mời tham dự Đại hội đồng cổ đông.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được

gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 6 tháng trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến cấp triệu tập ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình Đại hội.
5. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối những đề xuất nêu trên nếu:
 - a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn;
 - b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền bàn bạc và thông qua của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Đề xuất không có những thông tin cần thiết.
6. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết trong chương trình Đại hội.
7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự nắm giữ ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm án định khai mạc Đại hội, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự nắm giữ ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm án định khai mạc Đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai. Đại hội này được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông hay đại diện được ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 19. Thủ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội sẽ đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.
3. Cổ đông đến Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Đại hội đồng cổ đông do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì Đại hội, thành viên Hội đồng Quản trị có chức vụ quản lý, điều hành cao nhất trong Công ty có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông. Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng Quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra để cử thư ký để lập biên bản Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp Đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của Đại hội nếu nhận thấy rằng:
 - a. Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức Đại hội;
 - b. Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của Đại hội;
 - c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.Ngoài ra, Chủ tọa có thể hoãn Đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc Đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại Đại hội bị trì hoãn trước đó.
7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định trên đây, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
8. Chủ tọa của Đại hội hoặc Thư ký Đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.
9. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nội

trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng Quản trị cho là thích hợp để:
- Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Đại hội.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng Quản trị khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
- Thông báo rằng Đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của Đại hội”);
 - Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính có thể đồng thời tham dự Đại hội;

Thông báo về việc tổ chức Đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia Đại hội ở địa điểm chính của Đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

- Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 của điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
 - Thông qua báo cáo tài chính của năm;
 - Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.
- Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc đầu tư, giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tính trên tổng tài sản theo báo cáo kiểm toán gần nhất của Công ty sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
2. Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng Quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty;
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
5. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng Quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu

trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được công bố thông tin trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, đồng thời được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Số lượng thành viên của Hội đồng Quản trị ít nhất là 5 người và nhiều nhất là 11 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng Quản trị độc lập hoặc không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng Quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

2. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị:
 - a. Từ 18 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Là cổ đông cá nhân sở hữu trên 5% vốn điều lệ của Công ty hoặc là cá nhân có trình độ chuyên môn, khả năng, kinh nghiệm quản lý, kinh doanh trong lĩnh vực ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
 - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng từ 6 tháng liên tục trở lên để cử;
 - d. Có sức khoẻ và phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức chấp hành pháp luật.
 - e. Không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc của các tổ chức sản xuất kinh doanh khác có cùng ngành nghề kinh doanh mà Công ty đang sản xuất và kinh doanh.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không còn đủ tư cách làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng Quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ thành viên đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị;
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng Quản trị theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
6. Hội đồng Quản trị có thể bổ sung thành viên mới khi:
 - a. Đề thay vào chỗ trống phát sinh trong Hội đồng Quản trị;
 - b. Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội

đồng Quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng Quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
8. Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý, điều hành cấp cao khác.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế của Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng Quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương và các lợi ích khác của các người điều hành cấp cao khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc;
 - e. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và các lợi ích khác của họ;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - g. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
 - h. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - i. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - j. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - k. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - l. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng Quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các Công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng Quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thâu tóm Công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hằng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng Quản trị phải báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng Quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng Quản trị thông qua.
6. Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các người điều hành đại diện và hành động thay mặt cho Công ty.
7. Các thành viên Hội đồng Quản trị được nhận khoản thù lao cho công việc của họ với tư cách là thành viên Hội đồng Quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng Quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức thù lao cho mỗi thành viên sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định.
8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty và các Công ty khác mà thành viên Hội đồng Quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Các khoản trong tổng số tiền trả nêu trên có thể được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty theo quy định của pháp luật.
9. Ngoài thù lao dành cho vị trí thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng kiêm nhiệm vị trí điều hành khác trong Công ty có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
10. Các thành viên của Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.

đồng Quản trị, kể cả chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

11. Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng Quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng Quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị vào các tiểu ban nếu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng Quản trị.
12. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng Quản trị được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng Quản trị có thể có sai sót.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng Quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty nếu được các cổ đông chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông. Quyết định này cần phải được khẳng định lại hằng năm vào kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Quy chế quản trị Công ty, điều lệ này và theo Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ, thì Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch đều vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ vì một lý do nào đó thì các thành viên còn lại phải chọn một người trong số họ để tạm thời thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng Quản trị gửi báo cáo tài chính hằng năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng Quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
4. Khi cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị từ chức hay bị bãi miễn thì trong vòng 10 ngày Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế.

Điều 27. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế

Công ty không áp dụng điều này.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải tiến hành cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số

phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng Quản trị, chuẩn bị chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm và hình thức họp ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý một lần.
 3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng sau đây đề nghị họp bằng văn bản, trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:
 - a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 1/2 số người điều hành cấp trung;
 - b. Ít nhất hai thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - d. Đa số thành viên trong Ban Kiểm soát.
 4. Cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường như trên phải được tiến hành trong vòng 15 ngày sau khi có đề xuất họp. Nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp, thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; đồng thời những người đề nghị tổ chức cuộc họp đề cập ở khoản 3 điều này có thể tự triệu tập họp Hội đồng Quản trị.
 5. Trường hợp có yêu cầu của Công ty kiểm toán độc lập, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
 6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ được tiến hành ở một địa điểm theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng và được sự nhất trí của Hội đồng Quản trị.
 7. Thông báo và chương trình họp: Thông báo họp phải được gửi đến thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất năm (05) ngày trước cuộc họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp được viết bằng tiếng Việt và phải nêu rõ chương trình họp, thời gian, địa điểm họp và phải kèm theo nội dung những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.
8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).
 9. Biểu quyết:
 - a. Trừ quy định tại khoản 9b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tại cuộc họp Hội đồng Quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc người liên quan đến thành viên đó có lợi ích và lợi ích này mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng Quản trị sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c. Theo quy định tại Mục 9d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng Quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và phán quyết của Chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- d. Bất kỳ thành viên Hội đồng Quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4a và Điều 34.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Công khai lợi ích: Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng lợi trực tiếp hoặc gián tiếp từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã hoặc sẽ được ký kết với Công ty phải công khai bản chất, nội dung lợi ích đó trong cuộc họp đầu tiên mà Hội đồng Quản trị xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp Hội đồng Quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết về lợi ích của mình.
11. Biểu quyết đa số: Hội đồng Quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang nhau, lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ là lá phiếu quyết định.
12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị mà các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
- a. Nghe từng thành viên Hội đồng Quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời ;
- Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.
- Các nghị quyết được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp này.
13. Nghị quyết bằng văn bản: Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng Quản trị sau đây:
- a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị;

- b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng Quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như là một nghị quyết được các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

14. Biên bản họp Hội đồng Quản trị: Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng Quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NHỮNG CÁN BỘ ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty thiết lập một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng Quản trị. Công ty có một Tổng Giám đốc, một số Phó Tổng Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, và được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Người điều hành

- Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty sẽ có một tỷ lệ nhất định về số lượng và loại người điều hành cần thiết hoặc thích hợp để thực hiện các cơ cấu và thông lệ quản lý Công ty do Hội đồng Quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự mẫn cảm cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.
- Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc sẽ phải do Hội đồng Quản trị quyết định và hợp đồng lao động của những người điều hành cấp cao khác sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

- Bổ nhiệm: Hội đồng Quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty.
- Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng Quản trị có quy định khác. Việc tái bổ nhiệm được phép thực hiện.
- Tổng Giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

24/36
H
muir
S
21

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng Quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị số lượng và các loại người điều hành cấp cao mà Công ty cần thuê để Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm tổ chức các hoạt động cũng như áp dụng các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng Quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng Quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của họ;
 - d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, đình chỉ với các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
 - e. Quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động đối với người lao động trong Công ty kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - f. Chậm nhất đến ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng Quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với ngân sách và kế hoạch tài chính ba năm của Công ty;
 - g. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị thông qua;
 - h. Đề xuất những biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động và quản lý của Công ty;
 - i. Chuẩn bị các dự toán dài hạn, hàng năm và các báo cáo hàng tháng, hàng quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bảng dự toán, báo cáo hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình cho Hội đồng Quản trị để thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - j. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng Quản trị, quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
4. Báo cáo lên Hội đồng Quản trị và các cổ đông: Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho các cấp này khi được yêu cầu.
 5. Bãi nhiệm: Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế với ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành (không kể biểu quyết của Tổng Giám đốc trong trường hợp Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng Quản trị). Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.

Điều 32. Thu ký Công ty

Hội đồng Quản trị sẽ chỉ định một thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định của pháp luật về lao động

hiện hành. Có thể sử dụng hai hay nhiều người cùng làm đồng thư ký Công ty. Hội đồng Quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin, biên bản họp cho thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

IX. NHIỆM VỤ ĐƯỢC ỦY THÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành cấp cao.

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành cấp cao được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty với một mức độ cẩn trọng cần thiết mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành cấp cao không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh của Công ty vì lợi ích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành cấp cao có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành cấp cao và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành cấp cao, hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà những đối tượng trên hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa nếu:
 - a. Đối với những hợp đồng có giá trị dưới 20% tính trên tổng tài sản theo báo cáo kiểm toán gần nhất của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành cấp

- cao hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng Quản trị. Đồng thời, Hội đồng Quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% tính trên tổng tài sản theo báo cáo kiểm toán gần nhất của Công ty, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành cấp cao hoặc thành viên Hội đồng Quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng Quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người điều hành cấp cao hay người có liên quan của họ không được phép mua bán hoặc giao dịch các cổ phiếu của Công ty hoặc Công ty con của Công ty theo bất cứ hình thức nào khác vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.
 6. Các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, người điều hành cấp cao, cấp trung của Công ty chỉ được tham gia ứng cử là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc của các tổ chức sản xuất kinh doanh khác có cùng ngành nghề kinh doanh mà Công ty đang sản xuất và kinh doanh khi được sự biểu quyết đồng ý của Hội đồng Quản trị Công ty;

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cảm cần thiết và với năng lực chuyên môn của mình sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, khiếu kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công ty (hay Công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay Công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của một Công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: Các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cảm và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có từ ba đến năm thành viên. Trong đó phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là người trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán cho Công ty. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. Ban Kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban Kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban Kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Ban Kiểm soát:
 1. Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác
 - c. Thành viên Ban Kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
4. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban Kiểm soát;
 - b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban Kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban Kiểm soát không

- cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban Kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát có những trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là các trách nhiệm và quyền hạn sau đây:
 - a. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của Công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu cần thiết;
 - d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng Quản trị;
 - e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, điều hành Công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống Kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng Quản trị chấp thuận;
 - h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của cán bộ quản lý, điều hành Công ty.
2. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý, điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát. Thư ký Hội đồng Quản trị phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng Quản trị được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát phải giống nhau.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban Kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 số thành viên của Ban Kiểm soát.
4. Mức thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm soát. Mức thù lao này được tính vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh hằng năm của Công ty.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY:

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong vòng 6 tháng liên tục trở lên có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc thông qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty các nội dung như danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành cấp cao có quyền kiểm tra sổ cổ phiếu của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan đến chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- Công ty phải lưu Điều lệ và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- Mọi cổ đông đều có quyền có một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ này được công bố trên website của Công ty.

XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Người lao động và Công đoàn

Tổng Giám đốc phải thông qua Hội đồng Quản trị các chính sách liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người điều hành các cấp và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với tổ chức Công đoàn theo những thông lệ và quy định của pháp luật.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng Quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng Quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- Hội đồng Quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu).

phiếu đã được thanh toán đầy đủ do Công ty khác phát hành) và Hội đồng Quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.
6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
7. Hội đồng Quản trị quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật với sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.
3. Công ty tiến hành việc thanh toán và giao dịch kê toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Trích lập các quỹ

Hằng năm Công ty phải trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật:

31/36 Mến S&L XL

Ngoài ra Công ty phải chi trả cổ tức, trích quỹ khen thưởng phúc lợi, trích quỹ đầu tư phát triển theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 45. Hệ thống kế toán

1. Công ty sử dụng hệ thống kế toán Việt Nam hoặc bất kỳ hệ thống kế toán nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm: Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, Bảng cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một Công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các Công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cũng phải được thông báo tới tất cả các cổ đông. Các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty được công bố trên website của Công ty.
5. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Công bố thông tin và Thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hằng năm và các tài liệu hỗ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông hằng năm, danh sách các Công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các Công ty niêm yết sẽ được chỉ định theo thứ tự ưu tiên để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng Quản trị.
2. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hằng năm cho Công ty kiểm toán độc lập lựa chọn lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo kế toán hằng năm, lập Báo cáo kiểm toán và trình cho Hội đồng Quản trị trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 1 tháng. Các kiểm toán viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hằng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự Đại hội đồng cổ đông nếu có yêu cầu và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Công ty có con dấu chính thức, được cấp theo quy định của pháp luật.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng Quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng Quản trị và cổ đông

Các cổ đông nắm giữ 50% số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới tòa để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng Quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng Quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng Quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 52. Thanh lý

1. Khi có quyết định chấm dứt hoạt động hay giải thể Công ty, Hội đồng Quản trị phải thành lập Ban Thanh lý gồm ba thành viên trong đó có hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng Quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban Thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên Ban Thanh lý có thể được lựa chọn từ các nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban Thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập Ban và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban Thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Tiền lương và phí bảo hiểm cho người lao động;
 - c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
 - d. Các khoản vay (nếu có);
 - e. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến mục (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 53. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý, người điều hành cấp cao,

[Signature]
34/36 *[Signature]* *[Signature]* *[Signature]*

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một bên thứ ba làm trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

XX. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 54. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 55. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này gồm 21 chương và 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2014 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực.
2. Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:
 - 01 bản nộp tại Phòng Công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh;
 - 04 bản nộp Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan chính quyền theo quy định của ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
 - Số bản còn lại lưu tại văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị mới có giá trị.

Điều 56. Chữ ký của người Đại diện theo pháp luật của Công ty.



NGUYỄN HOÀNG NGÂN

 36/36

Điều 56. Chữ ký của người Đại diện theo pháp luật của Công ty.



NGUYỄN HOÀNG NGÂN

Mr 36/36 Rees s/o x l